

Thờ cúng tổ tiên của người Công giáo Việt Nam

Lê Đức Hạnh *

Tóm tắt: Bài viết đề cập đến quan điểm và hình thức thờ cúng tổ tiên của người Công giáo Việt Nam qua tang ma, giỗ chạp, đám cưới, ngày Tết, ngày lễ các đẳng; sự tương đồng và khác biệt giữa người Công giáo và người không Công giáo trong vấn đề thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam; những tương đồng giữa Công giáo Việt Nam với Công giáo Trung Quốc, Philippine, Nhật Bản. Qua đó cho thấy quá trình tiếp biến và hội nhập giữa văn hóa Công giáo với văn hóa bản địa ở Việt Nam.

Từ khóa: Thờ cúng tổ tiên; Công giáo; văn hóa; Việt Nam.

1. Mở đầu

Thờ cúng tổ tiên là một tín ngưỡng lâu đời của người Việt Nam. Trong mọi gia đình người Việt Nam từ lâu tín ngưỡng này đã trở thành đạo lý “uống nước nhớ nguồn” trên nền của “đạo hiếu”. Đạo thờ cúng tổ tiên của dân tộc Việt Nam là một nét đẹp văn hóa của những con người thiên về “trọng tình” hơn “trọng lý”. Giống như các quốc gia Đông Nam Á khác, thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam ngày càng được củng cố, mở rộng thêm khi mà các nền văn hóa Đông, Tây du nhập vào. Với sự giao thoa các yếu tố văn hoá từ bên ngoài, có những quan điểm khác nhau về thờ cúng tổ tiên ở những giai đoạn lịch sử, ở những luồng tư tưởng khác nhau như tư tưởng của Nho giáo, Phật giáo, Công giáo. Người Việt Nam sống trong môi trường làng với văn hoá làng tồn tại đậm đặc trong lối sống, phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hoá dân gian... Làng được xây dựng trên nền móng của quan hệ huyết thống của nhiều dòng họ. Và, thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam (kể cả người Công giáo Việt Nam) đóng một vai trò quan trọng trong

việc duy trì môi trường gia tộc và môi trường làng.

2. Thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam

Quan niệm truyền thống của người Việt Nam cho rằng, con người có hồn và xác, xác thì có chết nhưng hồn thì tồn tại mãi ở thế giới khác, mà hồn mới là yếu tố cao quý của một con người. Quan niệm này giống các tộc người ở các quốc gia khác ở Đông Á như Trung Quốc, Philippine, Nhật Bản [9]... Hồn và xác liên kết nhau tạo nên sinh vật hoạt động được. Linh hồn chỉ thoát ra khỏi thể xác khi thực sự đã chết [6]. Người Việt Nam quan niệm “dương sao âm vậy”, con người sau khi chết còn có một cuộc sống nơi suối vàng giống như cuộc sống nơi trần thế với những nhu cầu tất yếu như ăn, mặc, chi tiêu và cả tích lũy phòng khi bất trắc. Do vậy, những người thân cần cúng giỗ để tổ tiên

(*) Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0983650450. Email: duchanh05@gmail.com. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài mã số I2.2-2012.24.

không bị thiếu thốn nơi âm gian, nơi chín suối. Người Việt Nam cho rằng “chín suối” là nơi sinh tồn của linh hồn tổ tiên sau khi thác, giống như cõi Niết Bàn trong quan niệm của Phật giáo, nơi Thiên Đàng của Công giáo. Người Công giáo Philippine cũng tin vào linh hồn, vào cuộc sống sau cái chết. Một người chết vẫn tiếp tục những sinh hoạt bình thường của mình trong thế giới của các linh hồn [9, tr.19].

Với quan niệm như vậy, người Việt Nam coi việc cúng giỗ là một đạo hiếu và họ không bao giờ bỏ cúng giỗ ông bà cha mẹ, cúng giỗ tổ tiên của mình. Việc cúng giỗ là biểu hiện mối dây liên kết mật thiết giữa tổ tiên (những người đã khuất) với con cháu (những người còn sống); hay là biểu hiện mối quan hệ giữa thế giới của người sống và thế giới của người đã thác. Mặt khác, thờ cúng tổ tiên cũng là việc để con cháu thể hiện sự biết ơn của mình đối với công giáo dưỡng của cha mẹ. Chính vì vậy việc cúng giỗ càng chu toàn bao nhiêu thì lòng con cháu càng an tâm thanh thản bấy nhiêu. Từ lòng tôn kính, sự mong muốn báo đáp cho tổ tiên ở nơi “chín suối”, từ niềm tin vào linh hồn tổ tiên sau khi thác, con cháu tìm cách báo hiếu với tổ tiên bằng việc cúng giỗ, thắp hương tưởng niệm, cẩn báo với tổ tiên mỗi dịp lễ tết, mỗi khi có việc trọng đại như hôn nhân hay tang lễ... Đây cũng là những dịp người lớn muốn nhắc nhở cho con cháu về cội nguồn của dòng họ và ghi nhớ việc báo hiếu với tiên tổ. Trong các cuộc điều tra về tôn giáo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tiến hành từ 1995 đến nay thì người Việt Nam thực hiện việc thờ cúng tổ tiên chiếm tỷ lệ trung bình năm là 98%.

Thờ cúng tổ tiên mang tính chất phổ quát nhưng đồng thời cũng mang tính khu biệt

trong các hình thức thể hiện với từng nhóm xã hội - tôn giáo cụ thể. Điều đó tùy thuộc vào niềm tin và quan niệm cụ thể của mỗi nhóm xã hội - tôn giáo này. Chính những đặc tính khu biệt của những hình thức thể hiện việc báo hiếu tổ tiên đã tạo nên sự đa dạng và khởi sắc của việc thờ cúng tổ tiên. Điểm đầu tiên tạo nên sự khu biệt đặc thù ở các tôn giáo và các nhóm xã hội là quan niệm về hồn và nơi ở của hồn sau khi chết. Người vô thần thì không tin có linh hồn và cuộc sống sau khi chết, họ quan niệm “chết là hết”. Phật giáo quan niệm đời sống con người gắn chặt với kiếp; sau khi chết nếu hồn chưa thoát được nghiệp chướng sẽ vẫn còn bị vướng vào vòng luân hồi để quay trở lại một kiếp nào đó tương xứng với những gì mình đã làm trong kiếp trước. Phật giáo chủ trương không sát sinh vì có thể động vật ấy là một sinh linh đầu thai từ kiếp trước. Với quan niệm này, việc báo hiếu tổ tiên được thực hiện bằng những nghi lễ cầu siêu theo phương thức nhà Phật, nhà có tang ma sẽ mời sư thầy đến tụng kinh cho người chết mau siêu độ; đến ngày lễ Vu Lan con cháu đến chùa dâng lễ cúng Phật cầu cho cha mẹ. Lễ Vu Lan theo quan niệm Phật giáo là ngày Phật đại xá, những việc lành con cháu làm trong ngày này thì cha mẹ được hưởng phúc.

3. Thờ cúng tổ tiên của người Công giáo

Công giáo có một quan niệm riêng về sự tồn tại của linh hồn và thể xác, về nơi mà hồn sẽ “cư ngụ” sau khi chết - đó là Thiên Đàng, địa ngục hay nơi luyện ngục [5, tr.91 - 92]. Công giáo quan niệm chết không phải là hết; những người sống đẹp lòng Thiên Chúa, không mắc tội sẽ được lên Thiên Đàng và được gọi là các Thánh. Những người còn mang tội thì tùy thuộc vào tội

nặng hay nhẹ mà phải xuống luyện ngục hay hoả ngục để đền bù tội lỗi mình đã làm khi còn sống và được gọi là các linh hồn. Quan niệm về sự chết, sự sống, về phần hồn, phần xác là những tín điều mà mọi giáo dân Công giáo đều tin theo mặc dù việc giải thích những điều này chưa có những luận cứ rõ ràng. Điều chính yếu là ở niềm tin của giáo dân. Người Công giáo cũng tin rằng giữa những người đang sống và những người khuất (các Thánh và các linh hồn) vẫn có mối liên hệ qua lại. Các Thánh sẽ cùng Thiên Chúa phù hộ cho những người sống. Người sống tạo lập các công phúc nhằm giúp các linh hồn chuộc những tội lỗi đã phạm phải khi còn ở trần gian, có thể lên Thiên Đàng và lại cùng Thiên Chúa phù hộ cho chính người sống. Mối quan hệ qua lại giữa người sống với các Thánh, các linh hồn và Thiên Chúa chính là cơ sở niềm tin của sự chuyển giao công trạng. Người sống thờ kính những người đã khuất để bày tỏ lòng biết ơn của mình với họ vì những gì họ đã làm cho con cháu khi còn sống và cả những điều họ sẽ cùng Chúa ban phúc cho con cháu sau khi chết. Kết quả điều tra tại các địa bàn cho thấy, mục đích của việc thờ cúng tổ tiên là để tỏ lòng biết ơn với tổ tiên của người Công giáo chiếm 98,9% [3]. Ở Philippine, người Công giáo thờ cúng tổ tiên vì họ tin rằng tổ tiên sẽ mang lại điều thiện và điều ác cho người sống [11].

Có thể nói, cơ sở của việc thờ cúng tổ tiên ở người Công giáo xuất phát ngay trong giáo lý của họ. Niềm tin tôn giáo của họ được đặt trọn vẹn vào đáng tối cao là Thiên Chúa. Thiên Chúa là trung tâm điểm nên mọi vấn đề, mọi sự lý giải, mọi ngôn từ diễn tả đều nhằm tôn vinh hình ảnh của Chúa Trời. Việc thờ cúng tổ tiên, báo hiếu

tổ tiên là những điều thuộc về con người, giáo lý đã đề ra như là những điều luật, buộc mọi người phải thực hiện. Trong “thập giới” (Mười điều răn của Thiên Chúa) thì sau ba điều răn dạy con người thờ phụng Thiên Chúa, điều răn thứ tư buộc giáo dân phải “thảo kính cha mẹ”. Điều này đứng sau việc tôn thờ Thiên Chúa. Đây là điều rất quan trọng buộc mỗi giáo dân Công giáo phải có trách nhiệm và nghĩa vụ thực hiện. Con cái luôn quan tâm, chăm sóc cha mẹ khi khoẻ mạnh cũng như lúc ốm đau là việc làm đẹp lòng Thiên Chúa. Người Công giáo tin rằng sự hiện hữu của con người là hồng ân mà Thiên Chúa ban tặng. Và con cái luôn phải biết ơn công dưỡng dục sinh thành của cha mẹ, không ngoại trừ một lý do nào, bởi đó không chỉ là bổn phận mà còn là việc làm đạo đức mà con cái dành tặng cha mẹ, cũng là việc làm đẹp dâng lên Thiên Chúa. Kinh Thánh công nhận niềm hạnh phúc của một gia đình là cha mẹ biết thương yêu con cái và con cái biết vâng lời, hiếu thảo với cha mẹ. Đây chính là cơ sở để người giáo dân Công giáo thực hành việc thờ cúng tổ tiên. Theo đó, thờ cúng tổ tiên trước hết là đạo làm người, là lòng thành kính, biết ơn của thế hệ sau với thế hệ trước. Do đó, dù một thời gian dài bị lãng quên với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam bản địa do cách nhìn hạn chế từ phía Giáo hội, nhưng việc thờ kính tổ tiên vẫn tồn tại trong tâm khảm đời sống tâm linh của người Công giáo Việt Nam. Đây là một vấn đề mang tính lịch sử trong quá trình truyền giáo mở rộng “nước Chúa” của Toà thánh Vatican, Việt Nam không là ngoại lệ.

4. Vấn đề thờ cúng tổ tiên trong lịch sử Công giáo

Việc thờ cúng tổ tiên của người Công

giáo ở Việt Nam liên quan mật thiết đến thái độ ứng xử của Toà thánh và các đoàn truyền giáo đối với vấn đề này trong lịch sử truyền giáo của đạo Công giáo.

Việc thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam không thể tách rời khỏi hoàn cảnh lịch sử "Nghị Lễ Trung Hoa". Trong thời gian Matteo Ricci, bề trên dòng Tên (S.J.) còn sống chẳng có vấn đề tranh chấp về Nghi lễ Trung Hoa. Sau khi Mattheo Ricci qua đời (1610), vấn đề được đặt ra ngay giữa nhóm dòng Tên. Khi thừa sai các dòng khác (Đa Minh, Augustinô, Phanxicô, thừa sai Ba Lê) đến Trung Hoa (từ 1630 trở đi), vấn đề tranh tụng trở nên gay gắt. Diễn tiến cuộc tranh chấp qua các triều Giáo hoàng khác nhau và những quyết định được ghi lại trong các văn kiện tòa thánh. Các văn kiện về Nghi lễ Trung Hoa đều ảnh hưởng đến Việt Nam và các nước lân cận.

4.1. Thái độ ứng xử của Toà thánh La Mã

Vấn đề thờ cúng tổ tiên của Công giáo tại Phương Đông (chủ yếu là ở Trung Quốc, Việt Nam...) kéo theo sự quan tâm của hơn chục vị Giáo hoàng trên nhiều ngả với những cuộc tranh luận giữa các thừa sai thuộc các dòng truyền giáo khác nhau. Trong khi các linh mục dòng Tên ở Trung Quốc không lên án cúng tế Khổng Tử và ông bà ông vải, thì các thừa sai Pháp ở Việt Nam lại phản đối quyết liệt vì cho rằng nghi lễ ấy là rối đạo không khác gì lễ nghi thờ Bụt, thờ Thần [2].

Giáo hoàng Clemente XI (1700 - 1721) tổ chức một hội nghị gồm các giám mục để bàn về vấn đề này và sau đó chấp nhận bản nghị quyết của Toà Điều tra trong Tông hiến đề ngày 20 tháng 11 năm 1704. Theo đó Giáo hoàng buộc các giám mục, linh mục của tất cả các dòng truyền giáo đều phải tuân theo Toà thánh trong việc bác bỏ

thờ cúng tổ tiên. Không chấp nhận bất kể sự khiêu nại nào. Giáo hoàng Clemente XI còn ban hành Tông chiếu Exilladie đề ngày 19 tháng 3 năm 1715, nhắc lại hai Tông hiến 1704 và 1710 và Sắc lệnh Nam Kinh 1707 phạt vạ tuyệt thông những người không tuân phục Toà thánh La Mã về những lễ nghi đã bị bác bỏ, buộc các thừa sai ở Phương Đông (trong đó có Việt Nam, Trung Quốc, Philippine, Nhật Bản...) phải tuyên thệ trung thành với Toà thánh La Mã trong vấn đề này. Giáo hoàng Benedicto XIV (1740 - 1758) ban hành *Bulle Ex Quo Singular* đề ngày 11 tháng 7 năm 1742 *cấm người Châu Á không được thờ cúng tổ tiên*. Đạo luật này đã làm cho các tín đồ Công giáo Trung Hoa bất mãn tức giận nên họ đã bỏ đạo gần hết. Chỉ còn lại một số rất ít tiếp tục theo Công giáo La Mã mà thôi [10]... Đến lúc đó cuộc tranh luận thờ cúng tổ tiên tạm chấm dứt. Đây là thời gian dài thờ cúng tổ tiên bị Tòa thánh Vatican ngăn cấm triệt để ở các nước Đông Á như Việt Nam, Trung Quốc, Philippine, Nhật Bản...

Vấn đề thờ cúng tổ tiên được bàn trở lại nửa đầu thế kỷ XX với Huấn dụ Plane Compertn est của Thánh bộ Truyền giáo La Mã, được Giáo hoàng Piô XII chấp thuận ngày 7 tháng 12 năm 1939. Huấn dụ bác bỏ hai Tông chiếu Ex Quo (1742) và Exilladie (1715). Tiếp theo Giáo hoàng ra sắc lệnh Summi Pontificatus công nhận những nghi lễ thờ cúng tổ tiên không phải là những nghi lễ đích danh tôn giáo, mà chỉ là những biểu thị lòng sùng bái chính đáng đối với những bậc tài đức trong nước cũng như lòng hiếu thảo đối với người quá cố.

Vấn đề thờ cúng tổ tiên được tái khẳng định trong Công đồng Vatican II (1962 - 1965), trong đó nhấn mạnh đến sự hiệp thông với người đã mất như sau: tất cả

những ai thuộc về Chúa Kitô và nhận lãnh Thánh thần, đều hợp thành một giáo hội duy nhất và liên kết với nhau trong Ngài. Bởi vậy, sự hiệp nhất giữa người còn sống dương thế với các anh em đã yên nghỉ trong bình an Chúa Kitô không hề bị gián đoạn. Trái lại, Giáo hội xưa nay luôn tin rằng sự hiệp nhất đó còn được vững mạnh hơn nhờ việc truyền thông cho nhau. Sau Công đồng Vatican II, thờ cúng tổ tiên được thực hiện trong cộng đồng Công giáo ở Đông Á, trước tiên là Trung Quốc, Phillipine, Việt Nam.

4.2. Thái độ ứng xử của các đoàn truyền giáo tại Việt Nam

Dòng Đa Minh là một trong những dòng truyền giáo có mặt đầu tiên tại Việt Nam. Năm 1679, Toà thánh La Mã chia địa phận Đàng Ngoài thành Tây và Đông. Địa phận Đông được giao cho dòng Đa Minh cai quản. Có thể nói, trong các dòng truyền giáo ở Việt Nam thì dòng Đa Minh có thái độ tiêu cực nhất đối với vấn đề thờ cúng tổ tiên.

Ngày 7 tháng 6 năm 1759, Pater lui Huy bẻ trên cả đại diện tông toà coi sóc địa phận Đông ra thư gửi cho các giáo sĩ và giáo dân địa phận nói về “36 sự rối nước An Nam, Đức Thánh Pha Pha đã đoán phi”, trong đó có nhiều “sự rối” về thờ cúng tổ tiên. Năm 1796, Đức thầy Phê ra thư gửi bốn đạo địa phận Đông nhắc lại việc cấm làm nhà táng, khi đưa xác không được đi kiệu ông thánh nọ, bà thánh kia. Dòng Đa Minh có đưa ra một số lễ thức cho việc “đưa xác” người qua đời, chấp nhận một số phong tục như nhận câu đối phúng viếng của gia quyến trong tang ma. Tuy nhiên các câu đối đó phải đảm bảo nguyên tắc “không có điều gì phạm sự đạo”.

Hội truyền giáo Paris (MEP) về tổng thể thì nghiêm cấm giáo dân thực hành thờ cúng tổ tiên. Tại Huế, trong một thời gian dài, các thừa sai hội truyền giáo Paris và

các thừa sai dòng Tên bất đồng với nhau về cách nhìn nhận và ứng xử với thờ cúng tổ tiên. Ở một số địa phận đặt dưới quyền cai quản của hội truyền giáo Paris, giáo dân được phép thực hiện hình thức cúng hậu. Hình thức cúng hậu vào nhà thờ Công giáo được duy trì đến giữa nửa thế kỷ XX. Thời điểm cuối thế kỷ XIX ngày càng nhiều người nộp tiền của, đất đai vào nhà thờ để xin lễ hậu. Người xin cúng hậu gồm cả người có con trai và người không có con trai nối dõi. Đôi khi con trai của người nào đó đem ruộng đất, hương hỏa của cha mẹ để lại cúng hậu vào nhà thờ để hàng năm nhà thờ lo cầu nguyện linh hồn cho bố, mẹ (hoặc có khi cả ông bà) dịp ngày giỗ. Dần dần, cúng hậu đã trở thành một vấn đề mà không chỉ linh mục, giám mục mà cả Toà thánh La Mã quan tâm. Năm 1905, Toà thánh La Mã ban sắc truyền về cúng hậu.

Trong việc tưởng nhớ người qua đời, giáo hội Công giáo lấy ngày 2 tháng 11 hàng năm để cầu cho các tín hữu đã qua đời và cầu cho các đấng hoặc cầu cho các linh hồn nơi luyện ngục. Đây là dịp để các tín hữu cầu cho các linh hồn của người thân đã quá cố được nhẹ tội và có thể lên Thiên Đàng.

5. Các nghi thức thờ cúng tổ tiên của người Công giáo Việt Nam

Người Công giáo Việt Nam thực hiện việc thờ cúng tổ tiên vào các dịp như Tết Nguyên đán, lễ các đấng, đám tang, đám giỗ, cưới xin... với những hình thức đa dạng. Kết quả điều tra năm 2014 cho thấy, trong các dịp quan trọng này, người Công giáo thực hiện thờ cúng tổ tiên với tỷ lệ 100%. Ở Trung Quốc, Phillipine, người Công giáo cũng thực hiện thờ cúng tổ tiên vào các dịp quan trọng trên [11].

Thờ cúng tổ tiên của người Công giáo Việt Nam được thể hiện rõ ràng và đậm nhất qua các nghi thức tang ma và giỗ chạp.

Trong tang ma có các giai đoạn cụ thể như trước khi chết, khi qua đời.

Theo người Công giáo Việt Nam từ nửa cuối thế kỷ XIX khi qua đời là *sinh thì*, khi hấp hối gọi là *ình sinh thì*. Một số người giải thích rằng: người Công giáo quan niệm khi đó con người chết nơi trần thế, nhưng khởi đầu một đời sống mới nơi Thiên Đàng. Giờ phút chết cũng có nghĩa là thời (thì) điểm khai sinh một cuộc sống mới ở nơi khác. Chuông nhà thờ xức dành cho người chết là *chuông sinh thì* hay còn gọi là chuông sâu, chuông tử.

Người Công giáo Việt Nam trước hết là người Việt Nam, vì vậy nhiều nội dung tang phục, tang chế,... đối với người Công giáo Việt Nam được thực hành tương tự như người Việt Nam không theo Công giáo. Song về mặt tang lễ thì có nhiều điều khác biệt, thể hiện rõ đặc thù do giáo hội quy định.

Khi tin đồ sắp qua đời, đang hấp hối các thừa tác viên (linh mục hay phó tế hoặc một trong số những người trong Ban hành giáo) được mời đến làm lễ xức dầu bệnh nhân với những nghi thức đã được quy định trong nghi lễ Công giáo. Thân nhân và các đồng đạo khi biết tin người hấp hối đều tập trung tại nhà người hấp hối; họ đọc kinh cầu nguyện cho người sắp qua đời được “ôn chết lành và được hưởng nhan Chúa”, đồng thời cũng là để nâng đỡ về mặt tinh thần cho thân nhân người sắp qua đời và giúp đỡ những công việc có thể. Kết quả điều tra tại Tử Nê, Nỗ Lực, Cái Mơn cho thấy 91% gia đình giáo dân có mời linh mục đến làm phép xức dầu, 92,5% tin đồ tập trung đọc kinh cầu nguyện tại gia đình người đang hấp hối. Theo *kết quả điều tra xã hội học tôn giáo tại xứ đạo Tử Nê năm 2008, 2014; Nỗ Lực 2009, 2011; Cái Mơn 2009, 2014;*

tỷ lệ số gia đình mời riêng linh mục đến làm lễ xức dầu là 91%, tỷ lệ số các gia đình mời các thừa tác viên khác như phó tế hay trùm trưởng là 100%.

Khi qua đời, người chết được đặt trên giường, xung quanh có thể rắc hoa tươi hoặc vẩy nước thơm. Vào một thời điểm thích hợp người thân làm lễ tắm liệm, nhập quan. Người Công giáo không có quan niệm chết vào giờ lành hay dữ, không chọn ngày, giờ tốt đưa tang; không thiết hồn bách, làm nhà táng, minh tinh, không có linh xa (kiệu hay xe) đưa rước linh hồn người qua đời. Tuy nhiên, luật buộc một số ngày như chủ nhật mùa vọng, mùa chay, phục sinh, các lễ trọng, thứ 4 lễ Tro và Tam nhật vượt qua không được làm lễ an táng người qua đời, mà phải dời ngày khác [1, tr. 206]. Khi có người chết, ngoài việc báo với chính quyền thôn, người thân phải báo với linh mục chính xứ và Ban hành giáo biết tin. Nhà thờ rung chuông sâu báo hiệu có đồng đạo qua đời. Tuỳ theo số tiếng (7 hay 9 tiếng) mà có thể biết người qua đời là nam hay nữ, già hay trẻ. Nếu người mất là người cao tuổi thì tiếng chuông sâu cuối sẽ rung dài, còn nếu là người trẻ tuổi thì tiếng chuông sâu sẽ rung ngắn. Nếu người qua đời là linh mục thì chuông sâu rung lên cả ngày đêm cho tới khi việc an táng linh mục quá cố kết thúc. Khi nghe chuông sâu, tín đồ ngừng việc đang làm hướng về phía nhà thờ đọc *Kinh lạy Cha*, tỏ lòng tiếc thương người qua đời.

Ở các xứ đạo Công giáo, từ khi giáo dân qua đời cho tới khi tiến hành nghi thức an táng tại nhà thờ, họ hàng, bà con và các đồng đạo lần lượt thay nhau cầu nguyện canh thức bên thi hài người quá cố. Người ta đặt một bàn nhỏ, trên có nước thánh, hoa quả, một bát hương và hương để sẵn trước

linh cữu người quá cố. Người Công giáo khi đến viếng xác người mới qua đời thường thấp hương, vái lạy người chết và đọc kinh cầu nguyện. Đến giờ an táng, Thừa tác viên đọc lời nguyện và rảy nước thánh lên thi hài người quá cố. Sau đó, họ đưa quan tài đến nhà thờ, thánh giá đi đầu và Thừa tác viên có chức thánh đi trước quan tài. Người quá cố được đưa vào nhà thờ ở tư thế (nếu là giáo dân) quay mặt về phía bàn thờ Chúa với ý nghĩa ngắm nhìn lên Thiên Chúa. Thánh lễ an táng được cử hành theo nghi thức phụng vụ mà Giáo hội quy định. Việc cử hành phụng vụ trong thánh lễ đều mang ý nghĩa cầu nguyện cho linh hồn người quá cố. Những người tham dự thánh lễ đều hướng đến việc xin ơn cầu nguyện cho người quá cố sớm được hưởng nhan Chúa.

Sau nghi thức tại nhà thờ, người qua đời được đưa đi an táng. Thứ tự thường là: cò tang, thánh giá nền cao, trẻ nam, trung nam, bát âm, vòng hoa, quan tài, thân chủ người qua đời, bốn đạo đưa tiễn. Người Công giáo Việt Nam không có tục lệ con đưa tiễn bố qua đời phải đi phía sau, tiễn đưa mẹ qua đời phải đi giật lùi phía trước quan tài. Các hình thức khóc lóc, lăn đường, cắt tóc tang... đều bị giáo hội nghiêm cấm [1, tr. 212]. Tại Vườn Thánh linh mục hoặc Thừa tác viên tiến hành các nghi thức tiễn biệt cuối cùng với người quá cố theo như Giáo hội quy định như nghi thức làm phép ngôi mộ mới, nghi thức từ biệt trước khi hạ quan tài xuống huyệt. Tiễn đưa người quá cố có đông đủ họ hàng thân thích, thân bằng cố hữu và các đồng đạo trong xứ đạo. Ở Philippine, “người Công giáo cũng làm theo các phong tục truyền thống liên quan đến nghi lễ chôn cất, họ thường mời các linh mục làm các nghi thức cuối cùng khi chôn cất người quá cố” [11].

Sau khi an táng người qua đời, gia đình người Công giáo lập bàn thờ tôn kính. Bàn thờ tổ tiên người Công giáo được trang hoàng bày biện với bát hương, hương, nến, đèn, lọ hoa, di ảnh người quá cố, Kinh thánh và hoa quả. Tập tục này cũng thấy ở người Công giáo Trung Quốc, Philippine. Bàn thờ tổ tiên của người Công giáo được lập theo nguyên tắc nhất định, đó là: bàn thờ tổ tiên luôn luôn thấp hơn bàn thờ Chúa Giêsu.

Người Công giáo Việt Nam không có tục bốc mộ, thiêu xác hay cốt người qua đời. Người qua đời được “đào sâu chôn chặt”, còn gọi là kim tĩnh, mộ có thể được xây kiên cố. Kết quả điều tra xã hội học tại các điểm nghiên cứu cho thấy 100% giáo dân Công giáo thực hiện kim tĩnh người quá cố.

Qua thời gian dài, người Công giáo Việt Nam dần dần xuất hiện các loại kinh cầu nguyện liên quan đến người qua đời và tôn kính tổ tiên như: kinh cầu cho bệnh nhân; kinh cầu cho người hấp hối; kinh cầu cho người vừa tắt thở; kinh cầu nguyện lúc tắm liệm; kinh cầu cho các linh hồn... Tuy không thực hành nghi lễ cúng như truyền thống của người Việt Nam, tín đồ Công giáo không vì vậy mà không có những hình thức tưởng niệm riêng. Những hình thức này dựa trên tập tục cổ truyền nhưng có nội dung Công giáo (như 3 ngày: đi thăm mộ, cầu kinh; 49 ngày: lễ và đọc kinh cầu nguyện; 100 ngày: lễ và đọc kinh cầu nguyện; giỗ đầu hay tiểu tường: đọc kinh cầu nguyện; giỗ hết hay đại tường: đọc kinh cầu nguyện). Kết quả điều tra xã hội học cho thấy tất cả các hình thức trên đều được thực hiện trong cộng đồng giáo dân Công giáo.

Hàng năm đến ngày giỗ, gia đình người Công giáo Việt Nam thường có hai hình thức tưởng niệm chính: xin lễ bàn thờ hoặc

xin lễ mộ. Trong các ngày giỗ, người Công giáo xin lễ, đọc kinh, thăm mộ và tổ chức bữa cơm gia đình và cũng gọi là ăn cỗ. Thánh lễ tại nhà thờ vào dịp này thường có sự tham gia đầy đủ của các con cháu trong gia đình và của các đồng đạo khác. Các nghi thức cử hành lễ giỗ không khác nhiều so với các thánh lễ khác. Chỉ có điều, khi thánh lễ bắt đầu, một người trong gia đình người quá cố sẽ cầm một bó hương, đi từ dưới nhà thờ lên trên gian cung thánh, đứng trước linh hương và vái lạy trước sự chứng kiến của mọi đồng đạo. Linh mục làm lễ giỗ phải thông báo tên thánh của người xin lễ giỗ để cộng đoàn giáo dân hiệp thông cầu nguyện cho linh hồn đó. Ngoài ra, buổi tối gia đình người có giỗ thường tổ chức đọc kinh, cầu nguyện cho linh hồn người qua đời. Các đồng đạo trong họ, xứ cũng được mời đến đọc kinh chung. Kinh bắt buộc phải đọc là *Kinh cầu cho các linh hồn*. Ở các xứ đạo Công giáo Việt Nam, trước đây những người không có con trai để lo việc cúng giỗ cầu nguyện hàng năm, trước khi qua đời, thường “cúng hậu” vào nhà thờ Công giáo.

Ngoài những ngày giỗ, niên lịch Công giáo còn dành riêng ngày 2 tháng 11 hằng năm để cầu nguyện cho ông bà cha mẹ, đó là ngày lễ các đấng hay còn gọi là lễ cầu hồn. Tháng 11 dương lịch hằng năm được gọi là tháng Cầu hồn. Vào dịp này giáo dân thường lo tu sửa lại Vườn Thánh, tu sửa mộ chí thân nhân, linh mục, tu sĩ. Buổi chiều ngày 2 tháng 11, một thánh lễ được diễn ra trong nhà thờ để cầu nguyện cho các linh hồn. Sau đó linh mục cùng giáo dân đi từ nhà thờ xứ ra Vườn Thánh. Dọc đường giáo dân đọc kinh cầu nguyện. Sau đó, tín đồ thấp nền trên mộ của người quá cố là thân nhân, đồng hữu của mình. Ngoài ra, vào các dịp cuối năm, đầu xuân, người Công giáo

thường ra Vườn Thánh tảo mộ, tưởng nhớ người qua đời. Việc thờ cúng tổ tiên được người Công giáo chú trọng, biểu hiện rõ nhất ở những nghi thức diễn ra trong hai ngày: ngày cuối năm và ngày mùng 2 Tết Nguyên đán. Từ rất lâu đời, ngày mùng 2 Tết Nguyên đán là ngày giáo hội Công giáo Việt Nam chọn là ngày kính nhớ ông bà tổ tiên với một thánh lễ. Tùy theo từng giáo xứ, họ đạo mà tổ chức thánh lễ cho ngày kính nhớ ông bà tổ tiên.

Tại các xứ đạo Công giáo, vào ngày 30 Tết, trong những gia đình tộc trưởng bàn thờ tổ tiên đã được lau chùi sạch sẽ, trang hoàng đẹp đẽ, bày biện thêm nhiều quả, hoa tươi. Vào tối ngày cuối cùng của năm, mọi người trong tộc đều tập trung về nhà ông tộc trưởng, trước khi đọc kinh cầu nguyện cho tiền nhân, người tộc trưởng tuyên bố lý do của việc tập trung cả chi tộc ngày hôm đó. Sau đó, người tộc trưởng đốt hương và vái lạy trước bàn thờ tổ tiên trong sự chứng kiến của toàn thể chi tộc. Sau khi thắp hương, nến, điện trên bàn thờ tổ tiên, buổi cầu nguyện cho tổ tiên bắt đầu diễn ra. Kinh cầu nguyện cho tổ tiên thường là những kinh trong sách bốn và 50 kinh kính mừng với ý chỉ cho tổ tiên. Sau khoảng 1 giờ, việc đọc kinh cầu nguyện kết thúc, mọi người tâm niệm trong mình những tâm tình về công ơn của tổ tiên, ông bà. Người ta nói chuyện và kể lại những câu chuyện về các bậc tiền nhân. Người lớn tuổi kể cho con cháu nghe về những bậc cố nhân, những kỉ niệm xưa. Tất cả tạo nên một không khí thiêng liêng, gần gũi và gợi nhớ về tổ tiên. Vào đầu năm mới, ngày mùng 2 Tết, con cháu lại tập trung ở nhà ông tộc trưởng lần nữa để chúc tết lẫn nhau và chủ yếu là để cầu nguyện cho ông bà tổ tiên. Hình thức cũng giống như buổi lễ cầu nguyện cho tổ tiên vào đêm 30 Tết. Sau đó các gia đình

Công giáo trong làng thường “kết thành từng đoàn, toán đến các nhà có người chết trong năm để cầu nguyện cho người quá cố” hay đi đọc kinh chúc tết mọi gia đình đồng đạo khác. Đây là một tập tục tốt đẹp có ở nhiều xứ đạo Công giáo ở Việt Nam như Từ Nê (Bắc Ninh) là một ví dụ điển hình.

Người Công giáo khác với người không theo Công giáo về những nghi lễ liên quan đến họ tộc như không xây từ đường họ tộc và cũng không có ngày giỗ tổ (họ tộc). Thông thường, thánh quan thầy của họ đạo được xem là tổ họ. Ngày kỷ niệm thánh quan thầy được xem là ngày giỗ họ. Đó là một trong những lễ lớn của họ đạo. Tuy nhiên, người Công giáo ở nhiều nơi vẫn lập gia phả, vẫn ghi nhớ ngày giỗ để truyền cho con cháu các thế hệ kế tiếp. Thông thường trong mỗi gia đình tộc trưởng thường có một cuốn sổ ghi ngày mất, tên thánh của ông bà tổ tiên cho đến đời thứ 3, thứ 4. Còn các đời trước đó thì người ta chọn ngày mùng 2 Tết Nguyên đán làm ngày cầu nguyện chung cho tiền nhân. Thực tế hiện nay ở nhiều vùng Công giáo như Từ Nê (Bắc Ninh), Kim Sơn, Yên Mô (Ninh Bình), việc lập gia phả đã có nhiều. Có hai hình thức lập gia phả phổ biến: một là lập cây gia phả, hai là lập bảng gia phả và treo trên tường tại một nơi trang trọng trong gia đình. Việc lập gia phả trong gia đình giáo dân Công giáo cho thấy ý thức của người Công giáo về ông bà tổ tiên, về gia đình, dòng tộc, về họ hàng thân tộc ngày càng sâu đậm.

Ngoài ra, việc thờ cúng tổ tiên của người Công giáo Việt Nam còn được thực hiện vào các dịp khác trong năm khi gia đình có việc trọng đại như khi cưới xin, đi làm ăn xa... Kết quả điều tra xã hội học tại 3 điểm nghiên cứu cho thấy: tỷ lệ người Công giáo thực hiện thờ cúng tổ tiên trong ngày lễ tết

chiếm 98,6%, khi tổ chức đám tang và giỗ là 98%, khi tổ chức lễ cưới là 92,6%, lúc gia đình có việc vui, trọng đại (như con cái đỗ đạt, hay có người nhà đi làm ăn xa) là 76%, trong ngày lễ các đảng là 95%, khi tôn kính tổ trong các giờ cầu nguyện chiếm 76% và trong các thánh lễ là 75%. Đối với việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo trong các lễ cưới, kết quả điều tra cho thấy 100% giáo dân đồng tình với việc cô dâu, chú rể phải bái lạy tổ tiên hai bên gia đình. Điều này cho thấy ý thức sâu sắc của người Công giáo về ông bà tổ tiên. Chính ý thức về cội nguồn, về ơn nghĩa sinh thành là động lực và là lời răn dạy sâu sắc cho những thành viên mới bước vào đời sống hôn nhân.

6. Một số nhận xét (thay lời kết luận)

6.1. Thờ cúng tổ tiên với giáo lý của đạo Công giáo

Có thể khẳng định rằng thờ cúng tổ tiên trong cộng đồng người Công giáo Việt Nam có cơ sở nền tảng trong chính giáo lý của họ. Vấn đề báo hiếu tổ tiên là điều mọi người phải quan tâm, giáo lý Công giáo đã đề ra những gì mà mọi tín đồ phải giữ, để chu toàn chữ hiếu đối với ông bà, cha mẹ khi còn sống cũng như khi đã qua đời.

Với người Công giáo, Kinh Thánh là cơ sở nền tảng cho giáo lý và giáo luật của đạo Công giáo. Kinh Thánh có ý nghĩa rất quan trọng đối với người Công giáo, trong đó họ tìm thấy cơ sở niềm tin của họ, tìm thấy lời chỉ dạy về cách sống, cách ứng xử với Thiên Chúa và với con người, trong đó bao gồm các quan hệ với cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, bạn hữu, và cả kẻ thù. Chính lòng hiếu thảo được Thiên Chúa chúc phúc và ban cho con cháu được sống lâu. Các tín đồ Công giáo luôn nhớ rằng, những người con không lo phụng dưỡng cha, và còn khinh thường mẹ thì phạm tội rất nặng:

“Nhu người lộng ngôn, kẻ bỏ bê cha, kẻ khinh rẻ mẹ, là chọc giận Đấng tạo thành ra nó” [7]. Trong giáo lý Công giáo, chữ hiếu rất quan trọng, buộc mỗi người phải tuân thủ vì đó là luật của Chúa. Việc báo hiếu của con cái đối với cha mẹ là bổn phận bắt buộc, cha mẹ không phải mang ơn con cái về những điều đó. Đạo Công giáo rất đề cao công đức của cha mẹ trong việc sinh thành và giáo dưỡng con cái trưởng thành. Đây là chiều kích sâu xa của Công giáo, cho thấy việc báo hiếu của con cái đối với cha mẹ là một bổn phận, không được thoái thác bổn phận đó. Đức Giêsu cũng đã lấy tiêu chí thảo kính cha mẹ là tiêu chí đầu tiên mà tín đồ phải thực hiện để được nên trọn lành [8, tr.16 - 22]. Kinh Thánh công nhận niềm hạnh phúc trào tràn của một gia đình mà cha mẹ biết thương yêu con cái, và con cái biết kính trọng và thảo hiếu với cha mẹ.

6.2. Những đặc trưng cơ bản của việc thờ cúng tổ tiên ở người Công giáo

Người Công giáo tin rằng, con người có hồn và xác, cả hồn và xác đều do Thiên Chúa tạo dựng nên, được thể hiện qua ý nghĩa của trình thuật Thiên Chúa tạo dựng nên Adam và Èva trong Kinh Thánh. Thủy tổ của loài người là Adam và Èva.

Từ cơ sở niềm tin như vậy, những người Công giáo có những hình thức báo hiếu riêng với ông bà tổ tiên đã qua đời. Trong Công giáo, thánh lễ là công việc chuyển tải nhiều công phúc nhất. Việc thờ cúng tổ tiên ở người Công giáo có những đặc trưng cơ bản của nó như người chết được linh mục làm thánh lễ ở nhà thờ, được làm phép mộ trong Vườn Thánh. Trong ba ngày sau đó, họ hàng, làng xóm sẽ đến nhà hiếu để đọc kinh cầu nguyện cho người qua đời. Trong nhiều ngày đầu, thân nhân đều ra viếng mộ mỗi ngày, có gia đình thực hiện việc đó đến khi giỗ trăm ngày. Các chu kỳ giỗ thông

thường là mỗi năm một lần vào ngày mà người đó mất, người ta xin lễ, đọc kinh, thăm mộ. Vào những dịp giỗ trọng (như 49 ngày, 100 ngày, giỗ đầu...) tất cả con cháu xa gần đều phải về “ăn giỗ” để tưởng nhớ người đã qua đời và để thể hiện sự “hiếu”, sự “kính” của mình với tổ tiên.

Một đặc trưng nữa của việc tôn kính tổ tiên nơi người Công giáo là: ngoài những ngày giỗ, niên lịch của Giáo hội còn dành một ngày riêng để cộng đoàn và con cháu cầu nguyện cho ông bà cha mẹ, đó là ngày mùng 2 Tết Nguyên đán và ngày 2 tháng 11. Vào ngày đó, ở các xứ đạo ngoài thánh lễ do linh mục tổ chức tại nhà thờ, người giáo dân còn xin lễ cầu cho ông bà, cha mẹ, các gia đình tổ chức đi thăm mộ, sửa sang mộ, dọn dẹp Vườn Thánh. Một số nơi linh mục còn tiến hành dâng lễ ngay tại Vườn Thánh. Trong những ngày này, người giáo dân nhắc nhở con cháu tham gia thánh lễ đầy đủ và làm việc lành với ý chỉ cầu nguyện cho ông bà cha mẹ và các linh hồn khác.

Việc tang ma giỗ chạp trong cộng đồng Công giáo có nhiều yếu tố hội nhập với văn hóa bản địa. Người ta cũng đặt một bàn nhỏ trưng hoa quả trước linh cữu người quá cố khi xác còn quàn tại nhà, có đặt lư hương để những người viếng xác thắp hương và xá người chết. Trong nhà người Công giáo cũng có bàn thờ ông bà cha mẹ, và nhiều người vẫn thường thắp hương ở đó, nhiều gia đình có đặt hoa quả nhất là trong dịp giỗ, dịp tết, hay khi cây nhà có trái đầu mùa... Nhưng, người Công giáo không tin người chết sẽ hưởng dùng những hoa trái ấy, họ làm thế là để biểu lộ lòng thành kính, hiếu thảo của con cháu mà thôi. Các dịp giỗ chính như giỗ bảy tuần, giỗ trăm ngày, giỗ giáp năm, giỗ mãn tang, là những yếu tố được nhập từ văn hóa bản địa. Những mốc thời gian ấy vốn là truyền thống lâu đời của

người Việt, người Công giáo ở Việt Nam cũng vẫn giữ những truyền thống ấy. Nhìn chung, người giáo dân Công giáo rất quan tâm đến việc báo hiếu tổ tiên. Điểm giống nhau giữa người Việt Công giáo với người Việt không theo Công giáo là họ đều thừa nhận sự tồn tại bất tử của linh hồn, nhưng điểm khác biệt giữa họ là quan niệm về hình thức tồn tại của linh hồn và do đó dẫn đến sự khác biệt về hình thức biểu lộ việc thờ cúng tổ tiên [4, tr.31].

6.3. Sự khác biệt giữa người Công giáo và người không Công giáo trong việc thờ cúng tổ tiên

Khác biệt cơ bản là khác biệt trong quan niệm về hồn và sự tồn tại của hồn sau khi chết: trong quan niệm của người Công giáo, khi con người đã chết thì họ được hưởng nhan Chúa hay đến nơi luyện ngục chờ phán xét. Linh hồn ở nơi luyện ngục sẽ được con cháu cầu nguyện để sớm lên Thiên Đàng. Còn người Việt không theo Công giáo quan niệm linh hồn sau khi rời khỏi thể xác sẽ về nơi suối vàng để gặp tổ tiên ở đó. Nơi đó, cũng giống như dương gian, tổ tiên cũng có những nhu cầu như ăn, mặc, ở hay các nhu cầu khác như khi còn sống. Tổ tiên ở đó khác người sống ở chỗ: tổ tiên không thể làm ra những thứ mà mình sử dụng, mà phải nhờ con cháu gửi xuống. Con cháu sẽ gửi xuống những của cải vật chất cho ông bà qua những dịp giỗ, lễ tết, khi gia đình có công việc gì đó, hay khi con cháu cần cầu xin một điều gì. Những sản phẩm gửi cho tổ tiên bằng cách thông thường nhất là đốt vàng mã và cúng tế. Do vậy, cúng giỗ là một hình thức báo hiếu tổ tiên, nếu không cúng giỗ chu toàn cho ông bà tổ tiên nơi suối vàng sẽ bị tổ tiên quở trách, thậm chí nổi giận mà có thể gây ra những điều không may cho con cháu còn đang sống. Kết quả điều tra xã hội học tôn

giáo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo tiến hành các năm 1995, 1998, 2003, 2005, 2007 cho thấy có khoảng 1/5 số người được hỏi cho rằng một trong những nguyên nhân họ thờ cúng tổ tiên là bởi sợ tổ tiên trừng phạt. (Kết quả điều tra có thể có sự khác nhau giữa các vùng, các năm). Với người Công giáo, điều duy nhất mà tổ tiên ông bà có thể làm là cầu Chúa giáng phúc cho người thân và con cháu hay cho những người đã giúp đỡ họ đang còn sống. Đây cũng là biểu hiện mối tương quan giữa người sống và người chết theo quan điểm của Công giáo. Cho nên tín đồ Công giáo thường không sợ ông bà tổ tiên, họ chu toàn việc cúng giỗ theo những cách thức riêng của Công giáo chỉ nhằm mục đích duy nhất là mong cho tổ tiên sớm được lên Thiên Đàng. Vì thế, những việc mà con cháu làm mang ý nghĩa báo hiếu, nhớ về nguồn cội.

Thờ cúng tổ tiên của người Công giáo và người không Công giáo có những khác biệt trong hình thức thể hiện. Với quan niệm tổ tiên chỉ hưởng dùng những công phúc, nên trong giỗ chạp người Công giáo thường chú trọng đến việc xin lễ, đọc kinh chung và làm những việc lành để hướng về ông bà tổ tiên; họ ít quan tâm đến việc sửa soạn đồ cúng, tuyệt đối không đốt vàng mã. Trên bàn thờ tổ tiên của người Công giáo chỉ có cắm hương trước di ảnh tưởng nhớ ông bà, cha mẹ, một đĩa trái cây, một bình hoa với mục đích tôn kính ông bà, cha mẹ, chứ không hàm ý mời ông bà, cha mẹ dùng. Giỗ chạp trong Công giáo là dịp những người sống lập công phúc thay cho người chết để họ mau đền hết tội lỗi của mình, sớm được lên Thiên Đàng.

Người Việt Nam không Công giáo do tin rằng tổ tiên còn hưởng dùng những của cúng nên coi trọng việc chuẩn bị giỗ và đồ lễ cúng. Khi mời ông bà về với con cháu,

nếu không có điều kiện kinh tế sửa soạn “mâm cao cỗ đầy” thì ít ra họ cũng phải có bát cơm, quả trứng, bộ quần áo bằng mã để hoá cho ông bà khỏi đói rét. Nếu không làm được như vậy thì con cháu sẽ không an lòng, thậm chí sẽ mang tội bất kính, bất hiếu với tổ tiên và có thể bị tổ tiên giận dữ hay trừng phạt.

6.4. Những điểm tương đồng giữa người không theo Công giáo và người Công giáo trong việc thờ cúng cúng tổ tiên

Điểm tương đồng trước tiên là quan niệm về sự chết. Chết không phải là hết. Mặc dù cả hai nhóm xã hội - tôn giáo này có lối diễn tả khác nhau về sự tồn tại và nơi cư ngụ của linh hồn sau khi chết, nhưng họ đều diễn tả một điểm: chết không phải là hết. Vì tin rằng chết không phải là hết nên cả người Công giáo và không Công giáo cùng chung một điểm nữa là luôn tin rằng tổ tiên sẽ còn quan tâm đến con cháu, vẫn luôn bên cạnh con cháu trong cuộc sống hàng ngày với những vui buồn của con cháu. Cho dù quan niệm như thế nào, thì việc giỗ chạp trước hết là một cách thức để báo hiếu tổ tiên. Mỗi người đều có cha mẹ, đều phải mang ơn sinh thành của cha mẹ. Hay nói cách khác, mỗi người đều được cấu thành từ những tế bào gia đình, lớn hơn là dòng họ, tổ tiên. Vì thế, xã hội hay những nhóm xã hội đều có bổn phận ghi ơn tổ tiên, đồng thời khuyến khích mỗi thành viên trong gia đình và dòng họ, trong cộng đồng phải báo hiếu tổ tiên. Điều này rất được coi trọng trong xã hội Việt Nam và trở thành bản sắc trong văn hóa Việt Nam.

Một điểm tương đồng nữa trong vấn đề thờ cúng tổ tiên giữa người Công giáo ở Việt Nam và các quốc gia khác như Trung Quốc, Philippine, Nhật Bản với người không Công giáo là ý thức tìm về nguồn cội. Trong việc báo hiếu, thờ cúng tổ tiên cả

hai nhóm xã hội - tôn giáo đều có ý nghĩa này. Tầm quan trọng của nguồn cội là một trong những yếu tố không thể thiếu để ổn định mọi mặt tâm lý, tình cảm, ý chí, lý trí của một con người.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hồng Dương (2001), *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2] Lê Đức Hạnh (2008), “Vấn đề thờ cúng tổ tiên của người Công giáo vùng đồng bằng Bắc Bộ - Việt Nam (Tiếp cận Nhân học Tôn giáo qua nghiên cứu trường hợp làng đạo Tử Nê - Bắc Ninh)”, *Vietnam Intergration and Development*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Lê Đức Hạnh, *Kết quả điều tra xã hội học tôn giáo tại xứ đạo Tử Nê năm 2008, 2014; Nỗ Lực 2009, 2011; Cái Mơn 2009, 2014.*
- [4] Phạm Thị Bích Hằng (1998), *Vấn đề thờ kính tổ tiên trong nền văn hoá đương đại Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp đại học, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Như Thế, Nguyễn Hữu Triết, Hồ Văn Xuân (1992), *Thần học giáo dân*, t.1, Ủy ban đoàn kết Công giáo, Tp. Hồ Chí Minh.
- [6] Đoàn Văn Thông (1994), *Những bí ẩn sau cõi chết*, chương III, V và VIII, Nxb Nguồn sống.
- [7] Kinh Thánh, sách *Huân Ca*, chương 3, 16.
- [8] Kinh Thánh, sách *Mác Thêu*, chương 19.
- [9] <http://luanvan.co/luan-van/tin-nguon-tho-cung-to-tien-cua-nguoi-viet-va-mot-so-quoc-gia-dong-nam-a-54616/>,.
- [10] <http://sachhiem.net/charlie/cn - ttdtg/Duongcut.php>.
- [11] Susan Russell (1999), *Christianity in the Philippines*, Department of Anthropology, University of Illinois, USA, available on <http://www.seasite.niu.edu/crossroads/russell/christianity.htm>.

